

Soạn văn 11:

Bài Ôn tập văn học trung đại Việt Nam

1. Soạn bài: Ôn tập văn học trung đại Việt Nam mẫu 1

1.1. Nội dung

Câu 1 (trang 76 sgk ngữ văn 11 tập 1)

Bên cạnh nội dung yêu nước là chủ đề xuyên suốt các sáng tác trung đại giai đoạn trước đó, ở giai đoạn văn học này (từ TK XVIII đến TK XIX) xuất hiện một vài nội dung mới:

- + Chạy giặc, văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc (Nguyễn Đình Chiểu): âm hưởng hùng tráng về thời kì bi thương của dân tộc nhưng cũng đầy tự hào.
- + Xin lập khoa luật (Nguyễn Trường Tộ): tư tưởng canh tân, đổi mới đất nước
- + Bài ca phong cảnh Hương Sơn (Chu Mạnh Trinh): ca ngợi vẻ đẹp của quê hương, đất nước
- + Câu cá mùa thu (Nguyễn Khuyến) Nỗi lòng hướng về dân chúng, và tình yêu nước thầm kín
- + Vịnh khoa thi Hương (Trần Tế Xương): tình cảnh mất nước và nỗi lòng thương xót của tác giả

Câu 2 (trang 76 sgk ngữ văn 11 tập 1)

Văn học thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX xuất hiện trào lưu nhân đạo chủ nghĩa vì:

- Lúc bấy giờ, xã hội phong kiến từng bước khủng hoảng, khởi nghĩa, chiến tranh liên miên
- Chủ nghĩa nhân đạo lúc này trở thành một trào lưu, với hàng loạt tác phẩm tên tuổi: Truyện Kiều, Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm... gắn liền với các tác giả Nguyễn Du, Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương...
- Nội dung thể hiện của chủ nghĩa nhân đạo:
 - + Các tác giả hướng tới giá trị cao đẹp của con người
 - + Sự cảm thương cho những kiếp người nhỏ bé, đặc biệt là người phụ nữ

+ Khẳng định đề cao nhân phẩm, truyền thống đạo lý, nhân nghĩa của con người
- Vấn đề cơ bản nhất của nội dung nhân đạo trong văn học từ thế kỉ XVIII đến kết XIX là:

+ Hướng tới quyền sống của con người

+ Ý thức về cá nhân mạnh mẽ hơn: tài năng, quyền sống, hạnh phúc cá nhân...

Nội dung cơ bản: “Đề cao vẻ đẹp và tài năng của con người (Truyện Kiều), khao khát hạnh phúc lứa đôi (Chinh phụ ngâm – Đoàn Thị Điểm)

Câu 3 (trang 77 sgk ngữ văn 11 tập 1)

Giá trị phản ánh: tái hiện chân thực cuộc sống xa hoa nơi phủ chúa, khắc họa trên hai phương diện

+ Cuộc sống xa xỉ, quyền uy tột bậc (từ nơi ở đến tiện nghi, kẻ hầu người hạ...)

+ Nhưng cuộc sống Trịnh phủ thiếu sinh khí, chỉ có sự u ám dẫn tới sự ốm yếu của thái tử Cán

- Phê phán hiện thực: tác giả ngầm phê phán sự xa hoa, lộng quyền của nhà chúa kèm theo cuộc sống thiếu sinh thế, tăm tối của con người. Đó chính là bức tranh xã hội đương thời cuối thế kỉ XVIII

Câu 4 (trang 76 skg ngữ văn 11 tập 1)

- Giá trị nội dung:

+ Đề cao đạo lý nhân nghĩa (Lục Vân Tiên) và nội dung yêu nước (Chạy Tây, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc)

- Giá trị nghệ thuật: Tính chất đạo đức - trữ tình, màu sắc Nam Bộ qua từ ngữ, hình ảnh nghệ thuật

+ Nguyễn Đình Chiểu là người đầu tiên đưa hình tượng hoàn chỉnh về người anh hùng nông dân nghĩa sĩ vào thơ văn

+ Hình tượng hoàn chỉnh về người nông dân nghĩa sĩ (Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc người nông dân mang vẻ đẹp bi tráng)

1.2. Về phương pháp

Câu 1 (trang 77 sgk ngữ văn 11 tập 1): Bảng tổng kết:

TT	Tác giả	Tác phẩm	Nội dung và nghệ thuật
1	Lê Hữu Trác	Vào phủ chúa Trịnh	<ul style="list-style-type: none"> - Bức tranh xa hoa nơi phủ chúa, thái độ coi thường danh lợi của tác giả - Quan sát, chọn lọc chi tiết, có ý nghĩa, bút pháp tả thực sâu sắc
2	Hồ Xuân Hương	Tự tình	<ul style="list-style-type: none"> - Tâm trạng của Hồ Xuân Hương. Lời thách thức duyên phận, khát vọng sống, hạnh phúc - Sử dụng từ ngữ dân tộc, hình ảnh đặc sắc, việt hóa thơ Đường luật
3	Nguyễn Khuyến	Câu cá mùa thu	<ul style="list-style-type: none"> Bức tranh thiên nhiên về mùa thu, tình yêu đất nước tha thiết, thâm lặng - Ngôn từ trong sáng, hình ảnh chân thật, giản dị
4	Trần Tế Xương	Thương vợ	<ul style="list-style-type: none"> - Ca ngợi, trân trọng những hi sinh của người vợ. Tự cười bản thân vô dụng. - Trào phúng, ngôn ngữ mỉa mai
5	Nguyễn Công Trứ	Bài ca ngất ngưỡng	<ul style="list-style-type: none"> - Thái độ sống, phong cách sống “ngất ngưỡng” khẳng định tài năng của tác giả - Thể hát nói phóng khoáng
6	Cao Bá Quát	Bài ca ngán đi trên bãi cát	<ul style="list-style-type: none"> Sự chán ghét một trí thức đối với con đường danh lợi tầm thường và niềm khao khát thay đổi cuộc sống - Thể thơ có tính chất tự do, phóng

			khoáng, từ ngữ linh hoạt
7	Nguyễn Đình Chiểu	Lẽ ghét thương	- Tình cảm yêu ghét phân minh, lòng thương dân sâu sắc, ngợi ca đạo lý nhân nghĩa - Lời thơ mộc mạc, chân chất, giàu cảm xúc
8	Nguyễn Đình Chiểu	Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc	- Tượng đài bất tử của người nông dân nghĩa sĩ, tiếng khóc bi tráng cho thời lịch sử đau thương - Xây dựng hình tượng nghĩa sĩ, ngôn ngữ đanh thép, bi tráng
8	Ngô Thì Nhậm	Chiếu cầu hiền	- kể về việc vua Quang Trung lên ngôi hoàng đế, mong người hiền giúp nước - Lập luận chặt chẽ
9	Nguyễn Trường Tộ	Xin lập khoa luật	- Sự cần thiết của pháp luật với xã hội - Lập luận chặt chẽ, quan điểm xác đáng

Câu 2 (trang 77 sgk ngữ văn 11 tập 1)

a, Yếu tố mang tính quy phạm, sáng tạo trong bài “Câu cá mùa thu”- Nguyễn Khuyến:

- Nội dung: đề tài cuộc sống nông thôn. Cảnh ao, làng quê phá vỡ tính quy phạm văn trung đại

+ Giá trị nhân văn giữa thiên nhiên, đời sống con người với hình tượng thơ chân thực, gần gũi, sinh động

- Nghệ thuật: Bài thơ viết bằng chữ Nôm, có thể biểu lộ sâu sắc, tế nhị tâm hồn người Việt

+ Các từ ngữ: sử dụng vần điệu đem lại bài thơ sức biểu cảm lớn khi tả thiên nhiên, tâm trạng

b, Điền tích, điển cố

- Truyện Lục Vân Tiên

+ Kiệt, Trụ, Lệ, U, Ngũ bá: Là những triều đại trong lịch sử Trung Quốc với những ông vua hoang dâm, vô đạo, những thời đại đồ nát, hoang tàn ⇒ nhân mạnh sự “ghét” của ông quán

- Khổng Tử, Nhan Tử, Gia Cát, Nguyên Lượng, Hàn Vũ, Liêm, Lạc (những điển tích về người có tài, có đức nhưng chịu cuộc đời vất vả, bị gièm pha) khẳng định tấm lòng ông Quán về tình yêu thương

* Bài ca ngất ngưỡng

- Phơi phới ngọn đông phong, Hàn Dũ... người sống tiêu dao ngoài danh lợi, thể hiện sự ngất ngưỡng bản thân sánh với những bậc tiền bối

* Bài ca ngắn đi trên bãi cát:

- Ông tiên ngữ kĩ, danh lợi: Cao Bá Quát thể hiện sự chán ghét danh lợi tầm thường
c, Bút pháp nghệ thuật: thiên về ước lệ, tượng trưng trong Bài ca ngắn đi trên bãi cát

+ Bút pháp ước lệ tượng trưng sử dụng hiệu quả, hình ảnh bãi cát như con đường danh lợi nhọc nhằn, gian khổ

+ Những người tất tả đi trên cát là những người ham công danh, sẵn sàng vì nó chạy ngược xuôi

+ Nhà thơ gọi đường mình đi là đường cùng- con đường công danh vô nghĩa, không giúp ông đạt được lý tưởng cao đẹp

- Các tác phẩm có tên thể loại gắn với tên tác phẩm

+ Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc

+ Bài ca ngất ngưỡng

+ Chiều dòi đò

- + Bình Ngô đại cáo
- + Hịch tướng sĩ
- + Hoàng lê nhất thống chí
- + Thượng kinh kí sự
- + Vũ trung tùy bút
- Đặc điểm hình thức thơ Đường
- + Quy tắc phức tạp được thể hiện 5 điều: Luật, Niêm, Vần, Đối, Bó cục
- + Nguyên tắc đối âm, đối ý, ý nghĩa lần lượt là những chữ thứ nhất, thứ 2, thứ 3... của các câu trên đối với câu dưới về cả âm và ý
- + Người ta quy ước nhất tam ngũ bất luật (chữ thứ nhất, ba, năm không cần theo luật)
- * Đối trong thơ thất ngôn bát cú
- + Đối âm (luật bằng trắc): Luật thơ Đường căn cứ trên thanh bằng, trắc và dùng các chữ 2-4-6 và 7 xây dựng luật
- + Nếu chữ thứ 2 câu đầu tiên dùng thanh bằng thì gọi là “luật bằng”, nếu là thanh trắc gọi là “luật trắc”
- + Chữ thứ 2 và thứ 6 phải giống nhau về thanh điệu, chữ thứ 4 phải khác hai chữ kia. Một câu thơ Đường không theo quy định được gọi “thất luật”
- Đối ý: trong thơ Đường luật ý nghĩa câu 3- 4 đối nhau, câu 5-6 đối nhau
- + Thường đối về sự tương phản, sự tương đương trong cách dùng từ ngữ
- + Đối cảnh: trên đối dưới, cảnh động đối cảnh tĩnh
- + Thơ Đường các câu 3- 4 hoặc 5- 6 không đối nhau thì được gọi là “thất đối”

2. Soạn bài: Ôn tập văn học trung đại Việt Nam mẫu 2

2.1. Nội dung

Câu 1 (trang 76 sgk Ngữ Văn 11 Tập 1):

Bên cạnh những nội dung yêu nước đã có trong văn học các giai đoạn trước, ở giai đoạn văn học này (từ thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX) xuất hiện những nội dung

mới; ý thức về vai trò của người trí thức đối với đất nước (Chiếu cầu hiền – Ngô Thì Nhậm), tư tưởng canh tân đất nước (Xin khoa lập luận – Nguyễn Trường Tộ), tìm hướng đi mới cho cuộc đời trong hoàn cảnh xã hội bế tắc (Bài ca ngán đi trên bãi cát – Cao bá Quát)... Chủ nghĩa yêu nước trong văn học nửa cuối thế kỉ XIX còn mang âm hưởng bi tráng, thể hiện đặc biệt rõ nét trong những sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu.

Câu 2 (trang 76 sgk Ngữ Văn 11 Tập 1):

Văn học từ thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX xuất hiện một trào lưu nhân đạo chủ nghĩa. Có thể nói, chủ nghĩa nhân đạo trong giai đoạn này trở thành một trào lưu nhân đạo chủ nghĩa. Có thể nói, Chủ nghĩa nhân đạo trong giai đoạn này trở thành một trào lưu bởi trong đời sống văn học xuất hiện liên tiếp hàng loạt những tác phẩm mang nội dung nhân đạo có giá trị lớn như Truyện Kiều, Chinh phụ ngâm, thơ Hồ Xuân Hương...

Cảm hứng nhân đạo trong giai đoạn này cũng có những biểu hiện mới so với các giai đoạn văn học trước: hướng vào quyền sống của con người nhất là người phụ nữ, ý thức về cá nhân: quyền sống cá nhân, hạnh phúc cá nhân... (Tự tình (bài II) – Hồ Xuân Hương, Bài ca ngát ngưỡng – Nguyễn Công Trứ...).

Ví dụ: Thơ Hồ Xuân Hương: đó là con người bản năng khao khát hạnh phúc, tình yêu, dám mạnh mẽ nói lên một cách thẳng thắn những ước mơ của người phụ nữ.

Câu 3 (trang 77 sgk Ngữ Văn 11 Tập 1):

Giá trị phản ánh và phê phán hiện thực của đoạn trích Vào phủ chúa Trịnh (trích Thượng kinh kí sự - Lê Hữu Trác):

- Đoạn trích là bức tranh chân thực về cuộc sống nơi phủ chúa, được khắc họa ở hai phương diện:

- + Cuộc sống thâm nghiêm xa hoa, giàu sang.
- + Cuộc sống thiếu sinh khí, yếu ớt.

→ Một thế giới đầy quyền uy: Những tiếng quát tháo, truyền lệnh, những con người khúm núm, sợ sệt...Phủ chúa là một thế giới riêng biệt, người vào phải qua rất nhiều cửa gác, mọi việc đều phải qua quan truyền lệnh, chỉ dẫn. Thầy thuốc vào khám bệnh phải chờ, phải cúi lạy, nín thở...

→ Phủ chúa là nơi xa hoa, giàu sang vô cùng. Giàu sang từ nơi ở đến tiện nghi sinh hoạt. Nhưng cuộc sống nơi Trịnh phủ lại thiếu sinh khí vô cùng. Đó cũng là nguyên nhân gây ra sự ôm yếu của thế tử Cán.

=> Ngòi bút tả thực đậm đăm, kín đáo nhưng lạnh lùng, thờ ơ, thậm chí coi thường của tác giả.

Câu 4 (trang 77 sgk Ngữ Văn 11 Tập 1):

- Giá trị nội dung thơ văn Nguyễn Đình Chiểu: Đề cao đạo lí nhân nghĩa, yêu nước và chống giặc ngoại xâm.

- Giá trị nghệ thuật: Tính chất đạo đức – trữ tình. Màu sắc Nam Bộ qua ngôn ngữ, hình tượng nghệ thuật.

- Vẻ đẹp bi tráng và bất tử của người nông dân – nghĩa sĩ trong Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc:

+ Bi: Gọi lên cuộc sống vất vả, lam lũ. Nỗi đau buồn, thương tiếc trước sự mất mát, hi sinh và tiếng khóc đau thương của người còn sống.

+ Tráng: Lòng căm thù giặc, lòng yêu nước, hành động quả cảm, anh hùng của nghĩa sĩ. → Tạo nên tiếng khóc lớn lao, cao cả.

2.2. Phương pháp

(trang 78 sgk Ngữ Văn 11 Tập 1):

a, Tư duy nghệ thuật

- Tính quy phạm: thể hiện rõ nhất trong bài Câu cá mùa thu (Thu điếu) của Nguyễn Khuyến là ở việc sử dụng các chất liệu quen thuộc như: trời thu xanh, lá thu vàng và hình ảnh con người trầm tư, buồn lặng.

- Sự sáng tạo của bài thơ thể hiện ở cảnh thu mang những nét riêng của mùa thu vùng đồng bằng Bắc Bộ: chiếc ao làng sóng hơi gợn, nước trong veo, lạnh lẽo, lồi vào ngõ trúc quanh co... Đặc biệt cách gieo vần độc đáo “eo” gợi cảm giác không gian ngoại cảnh và tâm cảnh như đang thu hẹp, nhỏ dần, khép kín.

b, Quan niệm thẩm mỹ

Các điển tích, điển cố

Trích đoạn Lê ghét thương (trích Lục Vân Tiên – Nguyễn Đình Chiểu)

- Kiệt, Trụ, U, Lệ, Ngũ bá : Là những triều đại trong lịch sử Trung Quốc với những ông vua hoang dâm, vô đạo, những thời đại đồ nát, hoang tàn → Nhân mạnh sự khinh ghét của ông Quán với loại người này, từ số nói rõ quan điểm về "ghét" của ông quán.

- Khổng Tử, Nhan Tử, Gia Cát, Đông Tử, Nguyên Lượng, Hàn Vũ, Liêm, Lạc → Là những điển tích về những người có tài đức nhưng lại phải chịu một cuộc đời vất vả, bị gièm pha, bị người hại → Nhân mạnh tâm lòng của ông Quán về thương yêu con người.

Bài ca ngất ngưỡng (Nguyễn Công Trứ)

- Phơi phới ngọn đông phong, phường Hàn Dũ... nhằm lên cái thú tiêu dao của một người sống ngoài vòng danh lợi, đồng thời cũng là để khẳng định sự ngất ngưỡng của mình, đặt mình với những bậc tiền bối ngày xưa...

Bài ca ngẩn đi trên bãi cát (Cao Bá Quát)

- Ông tiên ngũ kỹ, danh lợi.... là những điển tích, điển cố, những thi liệu hán được Cao Bá Quát dùng để bộc lộ sự chán ghét của người trí thức đối với con đường danh lợi tầm thường đồng thời thể hiện niềm khao khát đổi thay cuộc sống.

c, Bút pháp nghệ thuật

Trong Bài ca ngẩn đi trên bãi cát (Cao Bá Quát), bút pháp tượng trưng đã được nhà thơ sử dụng khá hiệu quả. Bãi cát là hình ảnh tượng trưng cho con đường danh lợi nhọc nhằn, gian khổ. Những người tắt tả đi trên bãi cát là những người ham công

đanh, sẵn sàng vì công danh mà chạy ngược, chạy xuôi. Hình ảnh con đường cùng ấy có ý nghĩa tượng trưng cho con đường công danh, con đường vô nghĩa. Con đường ấy không thể giúp ông đạt được lí tưởng cao đẹp của mình.

d, Thể loại

Các tác phẩm mà tên thể loại gắn liền với tác phẩm:

- Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc (văn tế).
- Bài ca ngất ngưỡng (hát nói).
- Chiều dòi đò (chiều).
- Bình Ngô đại cáo (cáo).

Đặc điểm và hình thức nghệ thuật của thơ Đường luật:

Thơ Đường luật có một hệ thống quy tắc phức tạp được thể hiện ở 5 điều sau: Luật, Niêm, Vận, Đối và Bố cục. Điều căn bản của luật thơ Đường luật là đối, đó là hai nguyên tắc đối âm và đối ý, nghĩa là lần lượt những chữ thứ nhất, thứ 2, thứ 3,... của câu trên phải đối với các chữ thứ nhất, thứ 2, thứ 3,... của câu dưới cả về âm và ý. Nhưng làm được như thế thì rất khó, vì vậy người ta quy ước nhất tam ngũ bất luật (chữ thứ nhất, thứ ba, thứ năm không cần theo luật).

Đặc điểm của thể loại văn tế:

Văn tế: là loại văn thường gắn với phong tục tang lễ, nhằm bày tỏ lòng tiếc thương đối với người đã mất, văn tế thường có nội dung cơ bản, kể lại cuộc đời công đức phẩm hạnh của người đã mất và bày tỏ tấm lòng xót thương sâu sắc.

Văn tế có thể được viết theo nhiều thể: văn xuôi, thơ lục bát, song thất lục bát, phú,... Bố cục của bài văn tế thường gồm bốn đoạn: lung khởi, thích thực, ai văn và kết. Giọng điệu chung của bài văn tế nói chung là lâm li, thống thiết, sử dụng nhiều thán từ và những từ ngữ, hình ảnh có giá trị biểu cảm mạnh.

Đặc điểm của thể loại hát nói:

Thể thơ hát nói là văn bản ngôn từ, phần lời ca của bài hát nói. Hát nói là làn điệu chủ đạo của lối hát ca trù (còn gọi là hát ả đào, hát nhà trò, hát nhà tơ, ...). Thơ hát nói có những đặc điểm sau:

+ Nội dung: chứa những tư tưởng tình cảm tự do phóng khoáng.

+ Hình thức: tự do, vần nhịp tự do, lời thơ mang ngữ điệu nói với giọng buông thả tự do.

3. Soạn bài: Ôn tập văn học trung đại Việt Nam mẫu 3

3.1. Nội dung

Câu 1:

Nội dung yêu nước: yêu thiên nhiên đất nước, niềm tự hào dân tộc, lòng căm thù giặc, ý chí bất khuất chiến đấu. Đề cao vai trò luật pháp và vai trò người trí thức với đất nước.

Câu 2:

Đến thế kỉ XVIII-XIX, xuất hiện trào lưu chủ nghĩa nhân đạo vì có nhiều tác phẩm mang nội dung nhân đạo.

Biểu hiện: Thương cảm trước bi kịch và đồng cảm trước khát vọng của con người; Khẳng định, đề cao tài năng, phẩm chất con người ; Lên án, tố cáo những thế lực tàn bạo....

Những vấn đề cơ bản nhất trong các tác phẩm:

Truyện Kiều: quyền sống của con người.

Chinh phụ ngâm: quyền sống và hạnh phúc của con người trong chiến tranh.

Thơ Hồ Xuân Hương: quyền sống, tình yêu, hạnh phúc của con người (phụ nữ).

Truyện Lục Vân Tiên: bài ca đạo đức, nhân nghĩa ca ngợi con người lí tưởng trung, hiếu, tiết, nghĩa.

Bài ca ngất ngưỡng: bài ca một lối sống, một quan niệm sống tự do, khoáng đạt mà vẫn không ra ngoài quy củ nhà nho.

Khóc Dương Khuê: ca ngợi tình bạn thắm thiết, thủy chung.

Thương vợ: ca ngợi người vợ hiền đảm, chăm biếm thói đời đen bạc.

Câu 3:

a. Mở bài: Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm của đoạn trích (Nêu luận điểm của đề)

b. Thân bài:

Tác giả đã miêu tả bức tranh về cuộc sống xa hoa nơi phủ chúa. (Những nghi thức, cung cách sinh hoạt trong phủ chúa)

Cuộc sống nơi phủ chúa nhìn bề ngoài xa hoa lộng lẫy nhưng thực chất thiếu sinh khí.

Ý nghĩa: châm biếm và dự cảm về sự suy tàn của triều Lê- Trịnh và tấm lòng cao thượng của tác giả

c. Kết bài: Khẳng định lại giá trị hiện thực của tác phẩm

Câu 4:

a. Giá trị nội dung: đề cao đạo lí nhân nghĩa và tấm lòng yêu nước bất khuất chống giặc ngoại xâm

b. Giá trị nghệ thuật: Tính chất đạo đức – trữ tình, ngôn ngữ đậm máu Ắc Nam Bộ.

3.2. Phương pháp.

Câu 1:

STT	Tác giả	Tác phẩm	Giá trị nội dung và nghệ thuật
1	Lê Hữu Trác	Vào phủ chúa Trịnh	Nội dung: Bức tranh về cuộc sống xa hoa nơi phủ chúa. Và Thái độ của tác giả: coi thường danh lợi. Nghệ thuật: quan sát tinh tế, chọn lọc các chi tiết có ý nghĩa, bút pháp thực hiện sâu sắc.
2	Hồ Xuân Hương	Tự tình 2	Nội dung: Tâm trạng của Hồ Xuân Hương, lời thách thức duyên phận, khát vọng sống và khát khao hạnh phúc. Nghệ thuật: Sử dụng từ ngữ dân tộc, hình ảnh đặc

			sắc, việt hóa thơ Đường luật.
3	Nguyễn Khuyến	Câu cá mùa thu	Nội dung: Bức tranh đẹp về làng quê, tình yêu thiên nhiên đất nước và tâm sự thâm kín... Nghệ thuật: Ngôn ngữ trong sáng, giản dị. Sử dụng từ vận khéo léo, hình ảnh, nhịp điệu.
4	Nguyễn Khuyến	Khóc Dương Khuê	Nội dung: Tình bạn chân thành của tác giả với bạn, và nỗi đau xót khi mất bạn đột ngột. Nghệ thuật: Điệp ngữ, giọng điệu, từ ngữ sinh động, diễn tả nỗi buồn sâu sắc...
5	Trần Tế Xương	Thương Vợ	Nội dung: Ca ngợi thương vợ, thương vợ đồng thời cười chính bản thân mình vô dụng. Nghệ thuật: Trào phúng mỉa mai, từ láy, số đếm cụ thể là gánh nặng của người vợ.
6	Trần Tế Xương	Vịnh khoa thi Hương	Nội dung: Mía mai chế độ phong kiến, nỗi buồn, chua xót trước khi nước nhà bị xâm lược. Nghệ thuật: Đối, câu thơ hóm hỉnh, sâu sắc....
7	Nguyễn Công Trứ	Bài ca ngất ngưỡng	Nội dung: Kể về cuộc đời làm quan sau đó về hưu của nhà thơ lúc nào cũng ngất ngưỡng. Nghệ thuật: Sử dụng nhiều từ Hán Việt, thể thơ hát nói phóng khoáng.
8	Cao Bá Quát	Bài ca ngắn đi trên bãi cát	Nội dung: Biểu lộ sự chán ghét của một người trí thức đối với con đường danh lợi tầm thường đương thời và niềm khát khao thay đổi cuộc sống. Nghệ thuật: Thể thơ có tính chất tự so, phóng khoáng, từ ngữ linh hoạt.
9	Nguyễn Đình Chiểu	Lẽ ghét thương	Nội dung: Tình cảm yêu ghét phân minh, tấm lòng thương dân sâu sắc, ca ngợi đạo lý nhân nghĩa.... Nghệ thuật: Lời thơ mộc mạc, chân chất, giàu cảm

			xúc...
10	Nguyễn Đình Chiểu	Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc	Nội dung: Tượng đài bất tử của người nông dân nghĩa sĩ và tiếng khóc bi tráng cho một thời lịch sử đau thương của dân tộc. Nghệ thuật: Khắc hóa hình tượng nghệ sĩ, sự kết hợp chất trữ tình và hiện thực, ngôn ngữ bình dị, sinh động.
11	Ngô Thì Nhậm	Chiếu cầu hiền	Nội dung: Kể về việc vua Quang Trung lên ngôi và mong người hiền tài ra giúp nước. Nghệ thuật: Bài chiếu lập luận chặt chẽ, luận điểm xác đáng, diễn đạt rõ ràng.
12	Nguyễn Trường Tộ	Xin lập khoa luật	Nội dung: Sự cần thiết của luật pháp đối với xã hội => Thuyết phục triều đình mở khoa luật. Nghệ thuật: Lập luận chặt chẽ, luận cứ rõ ràng.

Câu 2:

a. Tính quy phạm: Đề tài, hình ảnh thơ cổ, bút pháp lấy động tả tĩnh, thể thơ Thất ngôn bát cú luật Đường

Sự sáng tạo: các hình ảnh sáng tạo, từ ngữ tạo hình và gợi cảm, màu sắc được hòa phối sinh động.

b. các điển tích, điển cố trong Bài ca ngất ngưởng: Người thái thượng, Đông phong, Trái, Nhạc, Hàn, Phú.

Tác dụng: bài thơ trở nên hàm súc, cô đọng, giàu tính hình tượng, tính biểu cảm, cho thấy tài năng của tác giả.

c. Bút pháp tượng trưng: các hình ảnh bãi cát dài, vô tận => con đường khó khăn, gian khổ, ngọt ngào.

d. Một số tác phẩm tên thể loại gắn liền với tên tác phẩm là: Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Bài ca ngất ngưởng, Chiếu dời đô...

Đặc điểm về hình thức nghệ thuật trong thơ Đường luật: hệ thống quy tắc Luật, Niêm, Vần, Đối và Bố cục. Trong thơ thất ngôn bát cú: có cả đối âm, đối ý

Đặc điểm của thể loại văn tế: gắn với phong tục tang lễ, nhằm bày tỏ lòng tiếc thương đối với người đã mất,

Bố cục: 4 đoạn: Lung khởi, Thích Thực, Ai văn, Kết

Bài Văn tế nghĩa sĩ cần Giuộc của Nguyễn Đình Chiểu: theo đúng bố cục bốn phần

Đặc điểm của thể loại hát nói: là văn bản ngôn từ, phân lời ca của bài hát nói, là làn điệu chủ đạo của lối hát ca trù

Đặc điểm sau:

Nội dung: chứa những tư tưởng tình cảm tự do phóng khoáng.

Hình thức: tự do, vần nhịp tự do, lời thơ mang ngữ điệu nói với giọng buông thả tự do.
